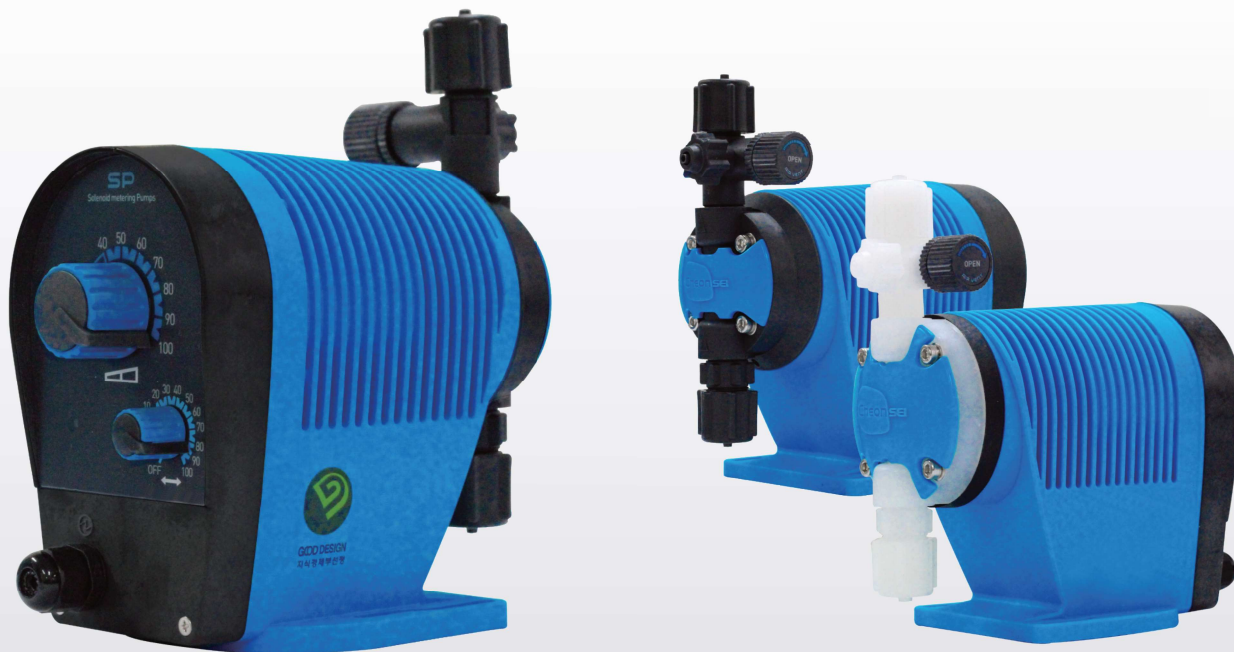




Bơm định lượng
dẫn động kiểu điện từ

SP-B

- Hoạt động đơn giản
- Kiểm soát lưu lượng chính xác
- Cấp bảo vệ IP65



Bơm định lượng dẫn động kiểu điện từ

SP-B

- Kiểm soát lưu lượng chính xác thông qua hai cấp điều chỉnh số nhịp đập và chiều dài hành trình
- Có thể biết được tình trạng hoạt động qua đèn LED
- Van bi kép làm tăng độ chính xác và làm kín cửa bơm
- Chống chịu được môi trường khắc nghiệt do cấp bảo vệ IP65 và vật liệu vỏ bơm chống chịu được sự ăn mòn hóa chất

• Ứng dụng

- Được ứng dụng trong nuôi hơi, chất khử trùng clo, phụ gia thực phẩm và định lượng hóa chất trong các lĩnh vực công nghiệp như hóa lý, thiết bị bán dẫn, xử lý nước, xử lý nước thải, v.v.

• Van xả khí



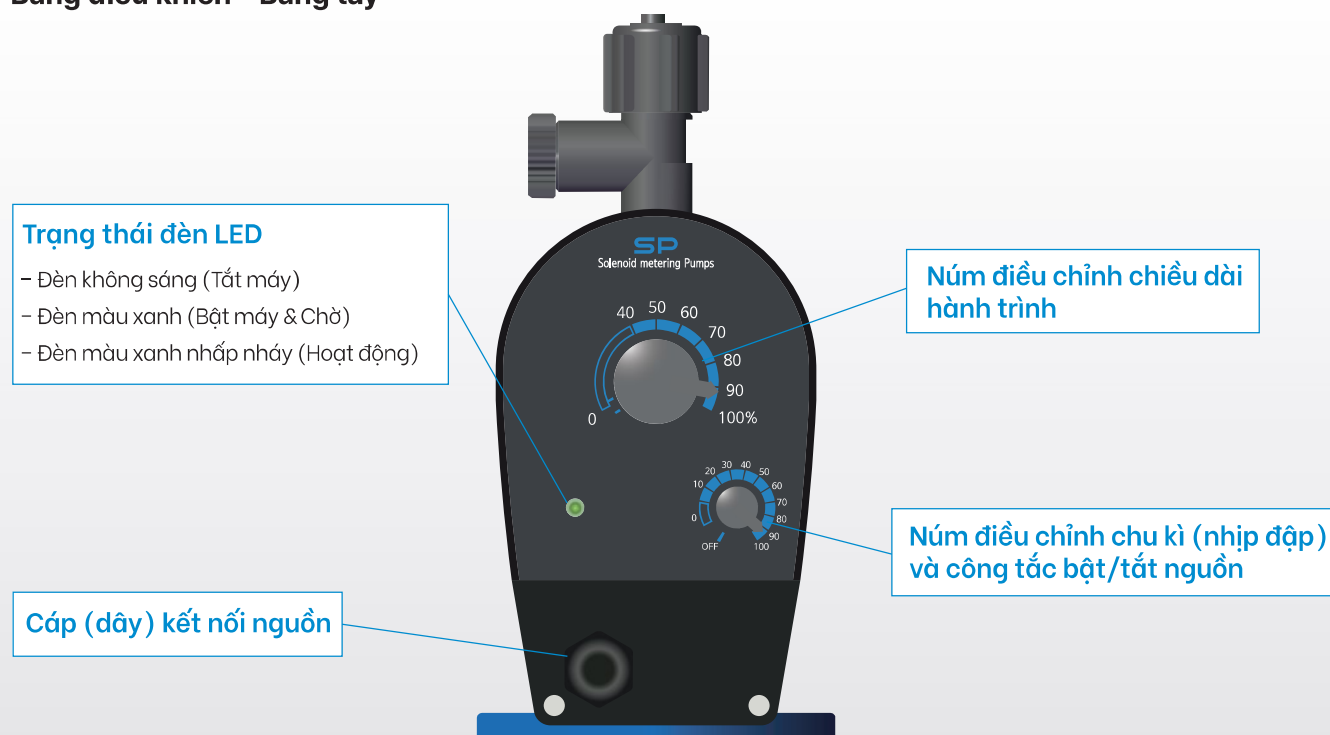
- Ngăn ngừa hiện tượng tắc khí (Air)

• Van giảm áp (Tùy chọn)

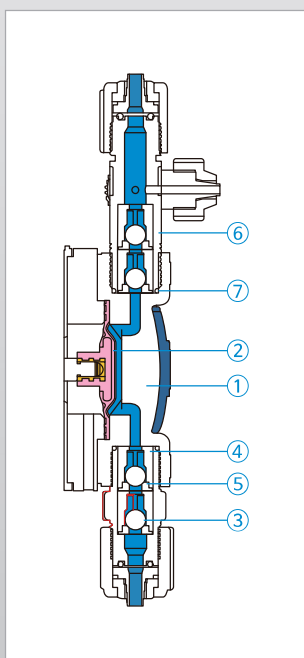


- Khi quá áp, van sẽ tự động mở, bơm và đường ống được bảo vệ.
- Van giảm áp cũng bao gồm chức năng của van xả khí

Bảng điều khiển – Bảng tay



Vật liệu bộ phận tiếp xúc chất bơm



		PFC	PFS	PEC	FVC	FTC
① Đầu bơm		PP			PVDF	
② Màng bơm		PTFE				
③ Bi		CERAMIC	STS316	CERAMIC		
④ Chụp bi		PP			PVDF	
⑤ Đế bi		FKM		EPDM	FKM(ETP)	PTFE
⑥ Đầu nối		PP			PVDF	
⑦ Gioăng		FKM		EPDM	FKM(ETP)	
Ống	Tiêu chuẩn	Xả : PE Hút : PVC trong suốt			PTFE	
		PVC : Ống hồi				
	Nồi hơi	Xả : NYLON Hút : PVC trong suốt				

EPDM : Ethylene propylene diene monomer rubber

PVC : Polyvinyl chloride

PTFE : Polytetrafluoroethylene

FKM(ETP) : Fluoro rubber of ETP type

FKM : Fluoro rubber

PVDF : Polyvinylidene fluoride

PPS : Polyphenylene sulfide

PE : Polyethylene

PP : Polypropylene

Thông số kỹ thuật

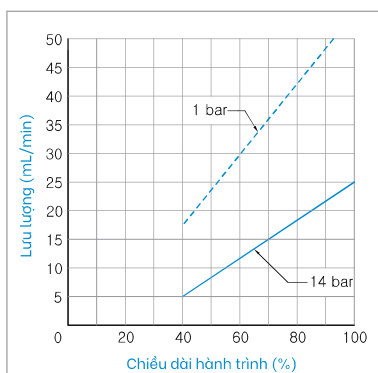
Phân loại		SP-B30	SP-B50	SP-B70	SP-B100	SP-B200
Lưu lượng tối đa (mL/min)		25	55	70	135	240
Áp suất xả tối đa (bar)		14	8	6	3.5	2
Chu kì (số nhịp đập) (SPM)		1 ~ 240				
Chiều dài hành trình (mm)		1.0 (40 ~ 100%)				
Ống	Hút-Xả	Ø4XØ6, Ø4XØ9		Ø6XØ8, Ø6XØ11, Ø5XØ8		
	Xả khí	Ø4XØ6				
Tự mỗi (m)		1	1.5			2
Giới hạn độ nhớt (mPa.s)	Tiêu chuẩn	50		70		
	Độ nhớt cao	300		700	600	400
Trọng lượng (kg)	Vật liệu PP	2.1				
	Vật liệu PVDF	2.2				
Nhiệt độ hoạt động		Nhiệt độ môi trường 0~40℃ / Nhiệt độ chất bơm 0~50℃				
Thông số động cơ		Công suất tiêu thụ trung bình (W)	Điện áp (A)	Cấp bảo vệ	Cấp cách điện	
		15	0.4 / 0.7 (115V)	IP65	F	

Phân loại		SP-B30H	SP-B50H	SP-B70H	SP-B100H
Lưu lượng tối đa(mL/min)		30	55	75	130
Áp suất xả tối đa (bar)		16	12	8	5
Chu kì (số nhịp đập) (SPM)		1 ~ 240			
Chiều dài hành trình (mm)		1.0 (40 ~ 100%)			
Ống	Hút-Xả	Ø4XØ6, Ø4XØ9		Ø6XØ8, Ø6XØ11, Ø5XØ8	
	Xả khí	Ø4XØ6			
Tự mỗi(m)		1	1.5		
Giới hạn độ nhớt (mPa.s)	Tiêu chuẩn	50		70	
	Độ nhớt cao	300		700	600
Trọng lượng (kg)	Vật liệu PP	2.4			2.5
	Vật liệu PVDF	2.5			
Nhiệt độ hoạt động		Nhiệt độ hoạt động 0~40℃ / Nhiệt độ chất lỏng 0~50℃			
Thông số động cơ		Công suất tiêu thụ trung bình (W)	Điện áp (A)	Cấp bảo vệ	Cấp cách điện
		17	0.5 / 0.8 (115V)	IP65	F

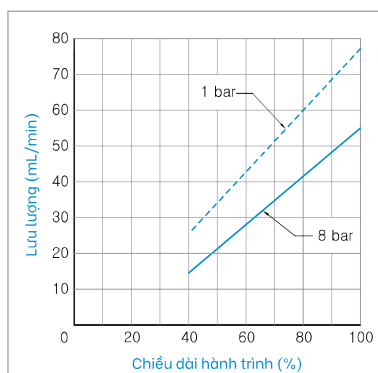
Ghi chú) 1. Độ lặp lại trong khoảng $\pm 2\%$ FS và độ ồn trong khoảng 70dB
 2. Cài đặt áp suất xả của Van giảm áp bằng $\pm 10\%$ áp suất xả tối đa
 3. Thông số kỹ thuật có thể được thay đổi để cải thiện mà không cần thông báo trước

Đường đặc tính

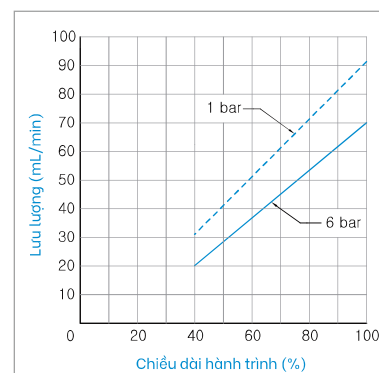
• SP-B30



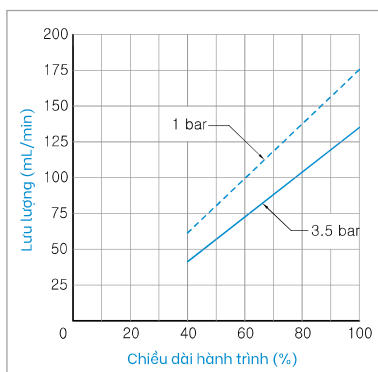
• SP-B50



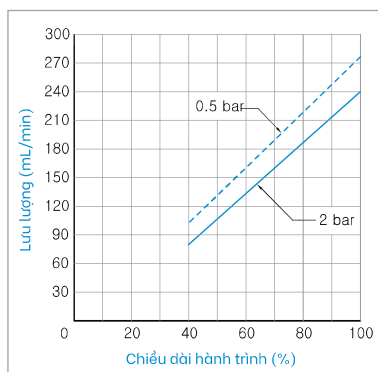
• SP-B70



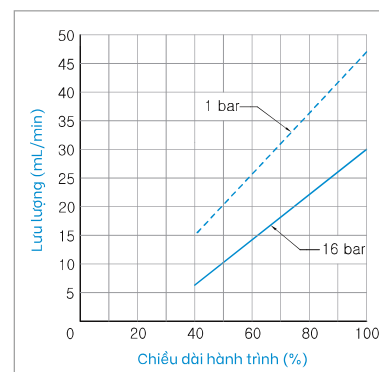
• SP-B100



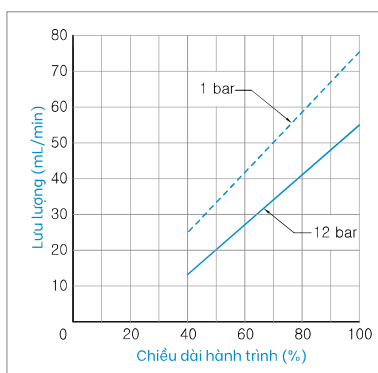
• SP-B200



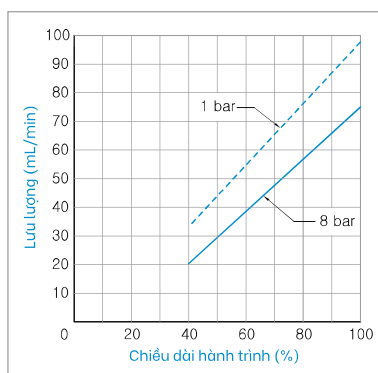
• SP-B30H



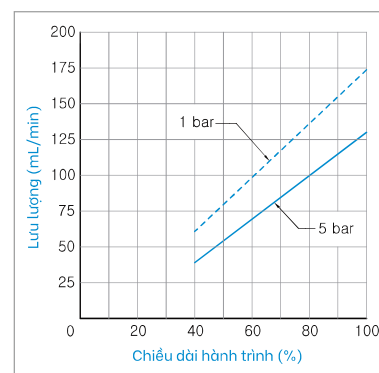
• SP-B50H



• SP-B70H



• SP-B100H



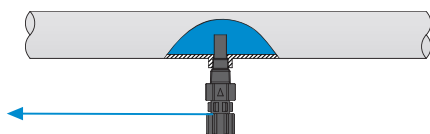
※ Điều kiện : Nhiệt độ phòng, nước sạch, đầu hút - 1m

Phụ kiện

• Van chống chảy ngược



Được lắp ở cuối ống xả và ngăn ngừa hiện tượng chảy tràn, chảy ngược và hiện tượng siphon.



• Ống

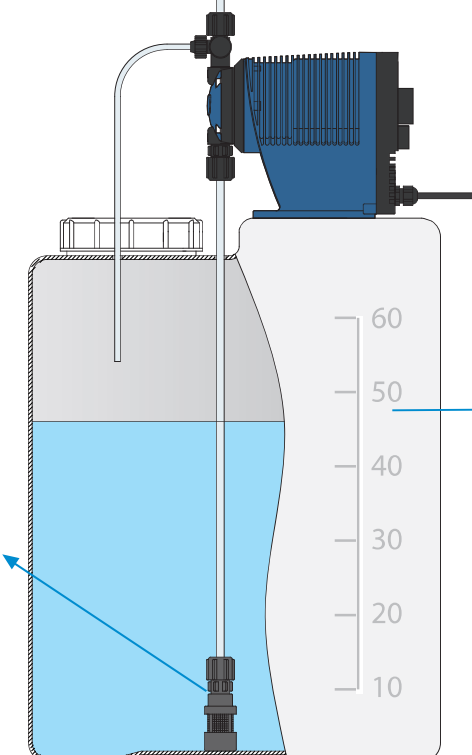


- Ống hút : 1m
- Ống xả : 2m
- Ống xả khí : 1m

• Van đáy+Lọc



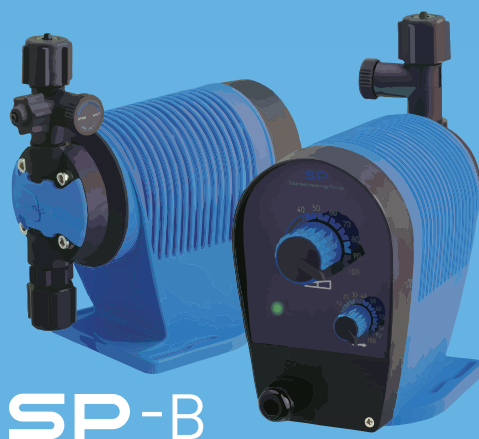
Được lắp ở cuối ống hút và ngăn chặn chất lạ và hiện tượng chảy ngược



• Thùng chứa chất bơm (Tùy chọn)



Model	Dung tích (L)	Đường kính	Chiều cao
SPN-50L	50~65	420	580
SPN-100L	100~120	520	690
EN-200	200	590	860



SP-B